

致理科技大學華語文中心

Trung tâm Hoa ngữ

Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Chihlee

2027 華語課程招生簡章

Thông báo tuyển sinh chương trình tiếng Hoa năm 2027



目次

一、招生簡介	Giới thiệu tuyển sinh.....	1
(一) 課程特色	Đặc điểm khóa học	2
(二) 課程規劃	Kế hoạch chương trình giảng dạy.....	3
1. 學季班	Khai giảng lớp học theo quý.....	3
2. 夜間華語課程	Khóa học tiếng Hoa buổi tối.....	7
3. 線上個人班	Khóa học online 1-1	9
二、課程費用	Chi phí khóa học	10
三、退費規定	Quy định hoàn học phí.....	11
四、報名與入學申請	Báo danh và nộp hồ sơ nhập học	12
五、申請入學許可	Giấy báo nhập học	14
(一) 申請規定及步驟	Quy định và các bước nộp hồ sơ	14
(二) 匯款帳號	Thông tin tài khoản chuyển khoản	16
(三) 教育部健康檢查要求	Yêu cầu kiểm tra sức khỏe của Bộ Giáo dục.....	17
六、獎學金申請	Xin cấp học bổng	19

一、招生簡介 Giới thiệu tuyển sinh

致理科技大學華語文中心位於交通便利的新北市板橋區。這裡擁有舒適的學習環境、新穎的設備，以及充滿熱忱的專業教師團隊。我們的課程設計豐富多元，從日常實用對話到專業職場華語應有盡有。不論您學習華語的目的為何，我們都能讓您找到最合適的學習節奏，在輕鬆、愉快的氛圍中，真正享受學習華語的樂趣！

Trung tâm Hoa ngữ, trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Chihlee tọa lạc tại quận Bản Kiều, Thành phố Tân Bắc, thuộc khu vực có hệ thống giao thông vô cùng thuận tiện. Nơi đây sở hữu môi trường học tập thoải mái, trang thiết bị hiện đại cùng đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, nhiệt huyết. Các khóa học của trung tâm được thiết kế đa dạng, từ hội thoại thực tế hàng ngày cho đến tiếng Hoa chuyên ngành ứng dụng trong công việc. Bất kể mục đích học tiếng Hoa của bạn là gì, chúng tôi đều có thể giúp bạn tìm được nhịp độ học tập phù hợp nhất, để bạn thực sự tận hưởng niềm vui học tiếng Hoa trong một bầu không khí thoải mái và vui vẻ!

The infographic provides a comprehensive overview of the center's location and facilities. It is divided into several sections:

- GIAO THÔNG (Transportation):** Ga tàu điện ngầm Xínpu (Đi bộ 6-8 phút), Ga tàu Banqiao (Đi bộ 10 phút).
- Y TẾ (Health):** Bệnh viện Á Đông (Tàu điện ngầm ~20p), Bệnh viện Liên hợp thành phố Tân Bắc (Youbike ~5 phút), Phòng khám Nha khoa Anxin (Đi bộ ~3 phút), Phòng khám Mắt Dateyang (Đi bộ ~5 phút), Phòng khám Tâm lý Yangmengda (Đi bộ ~3 phút).
- TIỆN ÍCH (Amenities):** Siêu thị PX-Mart (Đi bộ ~10 phút), Cửa hàng tiện lợi 7-11, Family Mart (Xung quanh trường đều có), Siêu thị Quân đội (Cổng chính).
- MUA SẮM (Shopping):** Mega City (Đi bộ 10-15 phút), Chợ đêm Nanya (Youbike ~10 phút), Ximending (Tàu điện ngầm ~20p).
- HỌC TẬP (Study):** Thư viện thành phố Tân Bắc - chi nhánh chính (Youbike ~10 phút), Thư viện thành phố Đài Bắc - chi nhánh Siwei (Đi bộ 7-10 phút).
- GIẢI TRÍ (Recreation):** Vườn Lâm Gia Banqiao (Bus ~15 phút), Khu Văn hóa và Nghệ thuật Banqiao 435 (Youbike ~15 phút), Đài phát thanh Banqiao (Youbike ~15 phút).

The photos show the interior of the center, featuring modern classrooms with large screens and comfortable seating, as well as the exterior entrance with large calligraphy signs for the center.

(一) 課程特色 **Đặc điểm khóa học**

- **全中文小班教學 Giảng dạy bằng 100% tiếng Hoa theo mô hình lớp học nhỏ**
打造高互動的沈浸式學習環境，全方位提升華語聽說讀寫能力。
Tạo ra một môi trường học tiếng Trung thực tế và tương tác cao, giúp bạn giỏi toàn diện cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- **臺灣籍專業師資 Đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp người Đài Loan**
正體字與拼音雙管齊下，提供兼具深度與溫度的沈浸式學習環境。
Kết hợp giảng dạy song song chữ phồn thể và bính âm, mang đến môi trường học tập vừa chuyên sâu vừa thân thiện.
- **多元主題與課程 Chủ đề và khóa học đa dạng**
涵蓋生活實用到專業領域，課程主題豐富且具實用性。
Bao quát từ các lĩnh vực đời sống thực tế đến chuyên ngành, với các chủ đề khóa học phong phú và mang tính ứng dụng cao.
- **文化體驗與實踐 Thực hành và trải nghiệm văn hóa**
攜手在地社區與文創組織落實大學社會責任(USR)，帶領學員深度體驗台灣在地文化。
Phối hợp cùng địa phương và các tổ chức văn hóa sáng tạo nhằm tạo môi trường cho sinh viên tham gia thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với xã hội (USR), dẫn dắt học viên trải nghiệm sâu sắc văn hóa bản địa Đài Loan.
- **越南語專屬語伴 Người Việt hỗ trợ tiếng Hoa cho riêng bạn.**
貼心配置越南母語語伴，同儕互動零距離，即時化解語言與生活盲點。
Trung tâm sắp xếp người Việt hỗ trợ học viên trong quá trình học tập và thích nghi môi trường, giúp học viên xóa bỏ rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, kịp thời giải quyết các khó khăn trong ngôn ngữ và đời sống.
- **一條龍升學優勢 Ưu thế chương trình liên thông**
表現優異之學生可獲本中心出具在學表現證明，作為申請本校學士班或碩士班之參考依據。
Học viên đạt thành tích xuất sắc có thể được Trung tâm cấp Giấy chứng nhận kết quả học tập để làm căn cứ tham khảo khi đăng ký xét tuyển vào hệ Cử nhân hoặc Thạc sĩ của trường chúng tôi.

(二) 課程規劃 Kế hoạch chương trình giảng dạy

1. 學季班 Khai giảng lớp học theo quý

本課程依據學習者的語言能力，分為初級、中級、中高級、高級共四個級別，滿足不同階段的學習需求。課程採用《時代華語》或《當代中文課程》為核心教材，除扎實的課本內容外，亦特別著重口語表達練習。學季班課程評量方式參照 TOCFL(華語文能力測驗)之相仿題型，能有效幫助學習者穩定推進學習進度，非常適合想穩紮穩打、均衡發展各項語言能力，並有檢定考試需求的學習者。此外，課堂採取 7 至 15 人之小班制教學，確保授課教師能全方位照顧到每位學生的個別狀況，陪伴您踏實前進。

Khóa học được thiết kế với bốn cấp độ: Sơ cấp, Trung cấp, Trung cao cấp và Cao cấp, dựa trên năng lực ngôn ngữ của học viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ở các giai đoạn khác nhau. Khóa học sử dụng tài liệu cốt lõi là "Giáo trình tiếng Hoa Thời đại" (時代華語) hoặc "Giáo trình tiếng Trung đương đại" (當代中文課程). Bên cạnh nội dung sách giáo khoa, khóa học cũng đặc biệt chú trọng thực hành kỹ năng diễn đạt thực tiễn. Lớp học sử dụng phương pháp đánh giá học viên định dạng theo mô hình mô phỏng Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ (TOCFL), giúp người học duy trì tiến độ học tập ổn định hiệu quả. Khóa học này rất phù hợp với những học viên muốn xây dựng nền tảng vững chắc, phát triển đồng đều các kỹ năng ngôn ngữ và có nhu cầu tham gia kỳ thi cấp chứng chỉ. Ngoài ra, các lớp học được tổ chức theo quy mô nhỏ từ 7 đến 15 học viên, đảm bảo giảng viên có thể quan tâm toàn diện đến tình hình học tập của từng học viên, đồng hành cùng học viên, giúp học viên tiến bộ một cách vững chắc.

- 採取四季開班制，每季上課 11 週，每週上課 15 小時。
Áp dụng hệ thống khai giảng lớp học theo quý, mỗi năm 4 quý, mỗi quý học 11 tuần, mỗi tuần học 15 giờ.
- 提供上午班與下午班兩種選擇 (皆為週一至週五):
Cung cấp hai lựa chọn: lớp buổi sáng và lớp buổi chiều (đều học từ thứ Hai đến thứ Sáu):
上午班：09:00 - 12:00 Lớp sáng: 9:00- 12:00
下午班：13:30 - 16:30 Lớp buổi chiều: 13:30- 16:30
- 本中心可協助提供相關入學證明文件，以利學員順利申請研習中文簽證。
Trung tâm hỗ trợ cung cấp các giấy tờ chứng minh nhập học liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho học viên xin visa học tiếng Hoa.

(1) 學季班課程入學時程表

	春季班 Khóa mùa xuân	夏季班 Khóa mùa hè	秋季班 Khóa mùa thu	冬季班 Khóa mùa đông
上課日期 Thời gian khóa học	3/1-5/21	5/31-8/13	9/6-11/19	12/6-2/25
報名期間 Thời gian báo danh	需要簽證者 Học viên cần xin VISA 2026/12/01- 2027/01/15 無需簽證者 Học viên không cần xin VISA 2026/12/01- 2027/02/15	需要簽證者 Học viên cần xin VISA 2027/03/01- 2027/04/15 無需簽證者 Học viên không cần xin VISA 2027/03/01- 2027/05/15	需要簽證者 Học Học viên cần xin VISA 2027/06/01- 2027/07/15 無需簽證者 Học viên không cần xin VISA 2027/06/01- 2027/08/15	需要簽證者 Học Học viên cần xin VISA 2027/09/01- 2027/10/15 無需簽證者 Học viên không cần xin VISA 2027/09/01- 2027/11/15
繳費期限 Thời gian đóng phí	以「報名系統網頁」之即時顯示資訊為準 Căn cứ thông tin trên trang tuyển sinh của trung tâm			
學生人數 Số lượng học viên	7-15 人 7-15 người	7-15 人 7-15 người	7-15 人 7-15 người	7-15 人 7-15 người

※超過報名繳費截止日，於開課前若課程尚有名額仍接受報名。若有需求，請與本中心聯絡。

Sau ngày hết hạn báo danh và đóng học phí, nếu trước ngày khai giảng khóa học vẫn còn chỉ tiêu, Trung tâm vẫn tiếp tục nhận báo danh. Nếu học viên có nhu cầu, vui lòng liên hệ với Trung tâm.

※新生特別叮嚀：請新生務必注意學生簽證的作業時間，確認是否來得及申辦並如期抵台。若有簽證相關疑問，歡迎提早向本中心諮詢。

Lưu ý đặc biệt dành cho tân học viên: Đề nghị tân học viên chú ý thời gian xử lý visa sinh viên, đảm bảo có thể hoàn tất thủ tục và đến Đài Loan đúng hạn. Nếu có thắc mắc liên quan đến visa, vui lòng liên hệ Trung tâm để được tư vấn sớm.

(2) 學季班課程分級與教材 Phân cấp khóa học và giáo trình lớp học

班級 Khóa học	課程教材 Giáo trình		華語文能力等級對照 Cấp độ chứng chỉ tương đương					
			TOCEL	TBCL	ACTFL	CEFR	中國語檢定	HSK
初級 1 Sơ cấp 1	時代華語 1-L1-L8	當代中文 1-L1-L7	Band A1 準備級-	1 級	Novice-Low Novice Mid	A1	準 4 級	一級
初級 2 Sơ cấp 2	時代華語 1-L9-L16	當代中文 1-L8-L15	Band A1 入門級	2 級	Novice-High	A1	準 4-4 級	二級
初級 3 Sơ cấp 3	時代華語 2-L1-L8	當代中文 2-L1-L7	Band A1-A2 入門-基礎級	2 級	Intermediate- Low	A1-A2	4 級	三級
初級 4 Sơ cấp 4	時代華語 2-L9-L16	當代中文 2-L8-L15	Band A2 基礎級	2-3 級	Intermediate-Mid	A2	4-3 級	三級
中級 1 Trung cấp 2	時代華語 3-L1-L8	當代中文 3-L1-L7	Band A2-B1 基礎-進階級	3 級	Intermediate-Mid	A2-B1	3 級	四級
中級 2 Trung cấp 2	時代華語 3-L9-L16	當代中文 3-L8-L12 4-L1-L2	Band B1 進階級	3-4 級	Intermediate- High	B1	3 級	四級
中級 3 Trung cấp 3	時代華語 4-L1-L8	當代中文 4-L3-L9	Band B1-B2 進階-高階級	4 級	Advanced-Low	B1-B2	3-2 級	五級
中級 4 Trung cấp 4	時代華語 4-L9-L16	當代中文 4-L10-L12 5-L1-L4	Band B2 高階級	4-5 級	Advanced-Mid	B2	3-2 級	五級
中高級 1 Trung cao cấp 1	教材擇一 時代華語 5-L1-L8 新聞華語 L1-5	當代中文 5-L5-L10 6-L1-L2	Band B2-C1 高階-流利級	5 級	Advanced-Mid	B2-C1	2 級	六級
中高級 2 Trung cao cấp 2	教材擇一 時代華語 5-L9-L16 新聞華語 L6-10	當代中文 6-L3-L10	Band C1 流利級	5 級	Advanced-High	C1	2-準 1 級	六級
中高級 3 Trung cao cấp 3	時代華語 6-L1-L8		Band C1 流利級	5-6 級	Advanced-High	C1	2-準 1 級	-
中高級 4 Trung cao cấp 4	時代華語 6-L9-L16		Band C2 流利-精通級	6 級	Superior	C1-C2	準 1 級	-
高級 1 Cao cấp 1	時代華語 7-L1-L8		Band C2 精通級	6-7 級	Distinguished	C2	1 級	-
高級 2 Cao cấp 2	時代華語 7-L9-L16		Band C2 精通級	7 級	Distinguished	C2	1 級	-

※本表以每期 11 週、每天上課 3 小時，共計 165 小時之學習時數為基準。

Bảng này được tính dựa trên tiêu chuẩn mỗi khóa học kéo dài 11 tuần, mỗi ngày học 3 giờ, tổng cộng 165 giờ học.

※主教材為《時代華語》及《當代中文課程》。

Giáo trình là "Giáo trình tiếng Hoa Thời đại" và "Giáo trình tiếng Trung đương đại".

※本表之華語文能力等級對照係參考國家華語測驗推動工作委員會(Test of Chinese as a Foreign Language, 簡稱 TOCFL)、臺灣華語文能力基準(Taiwan Benchmarks for the Chinese Language, 簡稱 TBCL)、美國外語教學協會指標(ACTFL Proficiency Guidelines)、歐洲共同語文參考架構(Common European Framework of Reference for Language, 簡稱 CEFR)、日本中國語檢定試驗(中国語檢定試験;中檢)、新漢語水平考試(HSK)之對應關係。

Việc đối chiếu cấp độ năng lực tiếng Hoa trong bảng này được tham khảo từ các hệ thống tương ứng bao gồm: Ủy ban Công tác Thúc đẩy Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ Quốc gia (TOCFL), Tiêu chuẩn Năng lực Hoa ngữ Đài Loan (TBCL), Hướng dẫn Năng lực của Hiệp hội Giảng dạy Ngoại ngữ Hoa Kỳ (ACTFL), Khung Tham chiếu Ngôn ngữ Chung Châu Âu (CEFR), Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung Nhật Bản (Trung Kiểm) và Kỳ thi Năng lực Hán ngữ Mới (HSK).

※本中心保留各級課程安排及班級調整異動之權利。

Trung tâm có quyền điều chỉnh việc sắp xếp các khóa học ở mọi cấp độ và thay đổi lớp học.

2. 夜間華語課程（不發簽證）Khóa học tiếng Hoa buổi tối (Không cấp visa)

本課程以華語文能力測驗(TOCFL)為核心導向，由專業教師帶領學員深入剖析核心題型、掌握關鍵的解題策略。本課程專為有考照、升學或求職需求的學員量身打造，幫助您在短時間內精準掌握應試技巧、高效通關，讓考試不再是壓力，而是展現學習成果的自信舞台。

Khóa học này lấy Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ (TOCFL) làm định hướng giảng dạy, giảng viên chuyên nghiệp dẫn dắt học viên phân tích sâu các dạng đề thi trọng tâm và nắm bắt các chiến lược giải đề then chốt. Khóa học được thiết kế đặc biệt dành cho học viên có nhu cầu thi lấy chứng chỉ, học lên cao hoặc tìm việc làm, giúp bạn nắm vững các kỹ năng làm bài thi một cách chính xác trong thời gian ngắn, vượt qua kỳ thi với hiệu suất cao, giúp bạn đối mặt với kỳ thi một cách nhẹ nhàng và tự tin thể hiện kết quả học tập.

(1) 夜間班開課時間表 Lịch khai giảng lớp buổi tối

	2027 第一期 Kỳ 1 năm 2027	2027 第二期 Kỳ 2 năm 2027	2027 第三期 Kỳ 3 năm 2027	2027 第四期 Kỳ 4 năm 2027
課程主題 Chủ đề khóa học	TOCFL B2 聽力閱讀特訓班 Bồi dưỡng kỹ năng nghe đọc	TOCFL B2 口語表達特訓班 Bồi dưỡng kỹ năng nói giao tiếp	TOCFL B2 聽力閱讀特訓班 Bồi dưỡng kỹ năng nghe đọc	TOCFL B2 口語表達特訓班 Bồi dưỡng kỹ năng nói giao tiếp
上課日期 Thời gian khóa học	3/2-4/27 每週二上課 Thứ 3 hàng tuần	6/1-7/27 每週二上課 Thứ 3 hàng tuần	9/7-11/2 每週二上課 Thứ 3 hàng tuần	12/7-2028/2/1 每週二上課 Thứ 3 hàng tuần
報名期間 Thời gian báo danh	1/1-1/31	4/1-5/2	7/1-7/31	10/1-10/31
繳費截止 Hạn đóng học phí	2/3	5/5	8/4	11/3

※超過報名繳費截止日，於開課前若課程尚有名額仍接受報名。若有需求，請與本中心聯絡。

Sau ngày hết hạn báo danh và đóng học phí, nếu trước ngày khai giảng khóa học vẫn còn chỉ tiêu, Trung tâm vẫn tiếp tục nhận báo danh. Nếu học viên có nhu cầu, vui lòng liên hệ với Trung tâm.

(2) 使用教材 教材課程

本課程依據每期開課主題，彈性選用市面主流教材，並搭配授課教師針對最新考題趨勢親自編製的專業講義。我們確保教學內容與時俱進、緊扣考試核心，以因應變化快速的檢定題型，全面幫助您高效補強弱點、精準衝刺！

Khóa học này lựa chọn linh hoạt các tài liệu giảng dạy phổ biến trên thị trường dựa trên chủ đề của từng khóa học, kết hợp với các tài liệu chuyên ngành do giảng viên đích thân biên soạn nhằm tiếp cận các xu hướng thi mới nhất. Trung tâm đảm bảo nội dung giảng dạy luôn được cập nhật, bám sát trọng tâm kỳ thi nhằm ứng phó với các dạng đề thi thay đổi nhanh chóng, hỗ trợ toàn diện giúp bạn củng cố điểm yếu hiệu quả và bứt phá chính xác!

3. 線上個人班 (不發簽證) Khóa học online 1-1 (Không cấp Visa)

適合時間有限、卻渴望提升中文實力的學習者。加入本中心的「線上個人課程」，隨時隨地都能輕鬆開啟學習！我們提供最彈性、靈活的授課模式，讓學習者在忙碌的工作與生活之餘，也能高效進行自我投資。

Khóa học này phù hợp với những học viên có quỹ thời gian hạn hẹp nhưng mong muốn nâng cao trình độ tiếng Hoa . Tham gia "Khóa học online" của Trung tâm, bạn có thể dễ dàng bắt đầu học mọi lúc, mọi nơi! Chúng tôi cung cấp mô hình giảng dạy linh hoạt và tùy biến nhất, giúp học viên đầu tư phát triển bản thân hiệu quả ngay cả khi bận rộn với công việc và cuộc sống.

(1) 開課時間 Thời gian khai giảng lớp học

完全依照學習者的時間與需求彈性排課 (100% 量身客製)

Lịch học hoàn toàn linh hoạt dựa trên thời gian và nhu cầu của học viên (100% sắp xếp phù hợp với học viên)

(2) 使用教材 Giáo trình học

不論是想選用市面主流教材，或是由老師為您量身打造專屬的學習講義，都能完美配合，讓每一堂課都精準切合學習者的學習目標。

Bất kể là lựa chọn các tài liệu giảng dạy phổ biến trên thị trường hay sử dụng tài liệu học tập chuyên biệt do giáo viên thiết kế riêng cho bạn, tất cả đều được phối hợp hoàn hảo để đảm bảo mỗi buổi học đều bám sát chính xác các mục tiêu học tập của học viên.

二、課程費用（不含其它手續費與規費）

Chi phí khóa học (Không bao gồm khoản phí và lệ phí các thủ tục khác)

	學季班 Khóa học theo quý	夜間華語課程 Khóa học buổi tối	線上個人班 Khóa học online 1-1
課程費用 Học phí	30,000 元/期 每期上課 11 週 共 165 小時 30.000TWD/ khóa, 11 tuần/ khóa, tổng 165 giờ học	4,000 元/期 每期上課 9 週 共 18 小時 4.000TWD/khóa, 9 tuần/khóa, tổng 18 giờ học	已出版之教材： 800 元/小時 Giáo trình xuất bản sẵn 800TWD/1 giờ học 客製化教材： 1,000 元/小時 Giáo trình thiết kế riêng 1.000TWD/1 giờ học
註冊費 Phí đăng kí	500 元 500TWD	500 元 500TWD	500 元 500TWD
教材費用 Phí giáo trình	約 600-800 元 ~600-800TWD	約 500 元 ~500TWD	視學習者需求而定 Điều chỉnh linh hoạt theo nhu cầu của học viên.

※舊生無需繳納註冊費。

Học viên đã từng tham gia khóa học của Trung tâm không cần đóng phí đăng kí.

三、退費規定 Quy định hoàn học phí

- 未有不可抗力之因素，不到校上課者，開課前退 50%學費，開課後不予退費。
Đối với các trường hợp có yếu tố bất khả kháng và không đến trường tham gia khóa học: Hoàn trả 50% học phí nếu trước khi khai giảng; không hoàn học phí sau khi đã khai giảng.

- 若有不可抗力之因素，經學校審核後，將依教育部「專科以上學校推廣教育實施辦法」之規定辦理：

Đối với các trường hợp có yếu tố bất khả kháng, sau khi trường xét duyệt, sẽ tiến hành giải quyết theo "Quy định thực thi giáo dục thường xuyên của các trường cao đẳng trở lên" do Bộ Giáo dục ban hành:

1. 學期開始前退 90%學費。

Hoàn **90% học phí** nếu sinh viên hoàn tất thủ tục thôi học trước khi khóa học khai giảng.

2. 學期開始未達 1/3 期程退 50%學費。

Hoàn **50% học phí** nếu sinh viên hoàn tất thủ tục thôi học trước khi khóa học hoàn thành 1/3.

3. 學期開始超過 1/3 期程，不退費。

Không hoàn phí đối với trường hợp sinh viên thôi học sau khi khóa học đã hoàn thành hơn 1/3.

※本中心保留各級課程安排及班級調整異動之權利。

Trung tâm bảo lưu quyền điều chỉnh việc sắp xếp các khóa học ở mọi cấp độ và thay đổi lớp học.

四、報名與入學申請 Báo danh và nộp hồ sơ nhập học

1. 本中心報名方式一律採取線上報名。

Phương thức báo danh: Trung tâm áp dụng 100% hình thức đăng ký TRỰC TUYẾN.

報名網址 Đường link báo danh : _____

- 若不需要申請研習中文的簽證，例如：持有特殊簽證、依親簽證、打工度假簽證者，只要在居留期間內，就可以直接報名課程。

Trường hợp không cần xin visa học tiếng Hoa (ví dụ: người sở hữu visa đặc biệt, visa đoàn tụ gia đình, visa lao động kết hợp kỳ nghỉ), chỉ cần đăng ký khóa học trực tiếp trong thời hạn cư trú hợp lệ.

- 需要申請研習中文簽證者，請申請 1 學期 (11 週) 的課程，並向本中心申請「入學許可證」，再依規定辦理相關報名手續。

Trường hợp cần xin visa học tiếng Trung, vui lòng đăng ký khóa học 1 học kỳ (= 11 tuần), sau đó nộp hồ sơ xin "Giấy báo nhập học" cho Trung tâm và tiến hành các thủ tục đăng ký liên quan theo quy định.

2. 報名期限 Thời hạn báo danh

各項課程之報名期限不盡相同，請依每期簡章公告為準。為確保您的權益，請根據自身簽證需求注意以下報名時間：

Thời hạn báo danh cho các khóa học là khác nhau, vui lòng tham khảo thông báo trong cuốn cẩm nang tuyển sinh của từng khóa. Để bảo vệ quyền lợi của mình, vui lòng lưu ý thời gian đăng ký sau đây dựa trên nhu cầu xin visa của bản thân:

- 需要申請簽證者：請務必於開課日的 8 週前完成報名與繳費。
Đối với người cần xin visa: Vui lòng hoàn thành việc đăng ký và thanh toán học phí **ít nhất 8 tuần trước ngày khai giảng.**
- 無需辦理研習中文簽證者：請於開課日的 4 週前完成報名手續。
Đối với người không cần xin visa: Vui lòng hoàn tất thủ tục đăng ký **ít nhất 4 tuần trước ngày khai giảng.**

3. 申請入學許可證所需文件 Hồ sơ cần thiết để xin Giấy nhập học

(1) 護照

Hộ chiếu

(2) 財力證明 (US\$ 2,500 以上)

Chứng minh tài chính (Từ 2500USD trở lên)

(3) 最高學歷之畢業證書

Bằng tốt nghiệp cấp học cao nhất

(4) 最高學歷之成績證明

Bảng điểm cấp học cao nhất

(5) 語言能力證明 (僅限越南籍學生)

Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ - Chỉ áp dụng đối với sinh viên quốc tịch Việt Nam

(6) 完整疫苗接種證明 (建議)

Giấy chứng nhận tiêm chủng vắc – xin – Khuyến nghị

※上述證明必須翻譯成中文或英文並經駐外辦事處正式官方驗證。

Các tài liệu chứng minh nêu trên phải được dịch sang tiếng Hoa hoặc tiếng Anh và đã qua hợp pháp hóa lãnh sự chính thức tại Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài.

4. 報名學季班者，報名手續完成後，本中心將以電子郵件通知學員接受分級測驗。

Đánh giá phân lớp: Đối với học viên đăng ký lớp theo quý, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Trung tâm sẽ gửi email thông báo cho học viên tham gia bài kiểm tra xếp lớp.

五、申請入學許可 Giấy báo nhập học

已完成報名手續之學員，於期限內完成分級測驗並支付以下相關費用後，本中心將寄發「入學許可證」。(申請費及郵寄費用不予退費)。

Đối với các học viên đã hoàn tất thủ tục báo danh, sau khi hoàn thành bài kiểm tra xếp lớp trong thời hạn quy định và thanh toán các khoản phí liên quan dưới đây, Trung tâm sẽ gửi "**Giấy báo nhập học**" (Lệ phí xin cấp và cước bưu điện sẽ không được hoàn trả).

(一) 申請規定及步驟 Quy định và các bước nộp hồ sơ

1. 請先在本中心官方網站完成申請入學許可證。相關費用如下：

Bước 1: Trước tiên, vui lòng hoàn tất việc xin Giấy báo nhập học trên trang web chính thức của Trung tâm. Các mức phí liên quan như sau:

※ 線上申請入學許可證 (一期) 費用：300TWD

Phí xin Giấy báo nhập học trực tuyến (một khóa): 300 TWD.

※ 若需要本中心郵寄正本，請選擇「海外郵寄 NTD700」，共 NTD1000 元。

(若超過郵資 NTD700 元，多餘郵資請自行負擔)。

Nếu có nhu cầu Trung tâm gửi bản cứng qua đường bưu điện, vui lòng chọn "Gửi bưu điện quốc tế 700TWD", tổng cộng là 1.000TWD (Trường hợp cước phí bưu điện vượt quá 700 NTD, học viên vui lòng tự thanh toán phần phí chênh lệch) .

※ 若選擇「親友至櫃台領取」或「收件者付款」。僅需申請入學許可 (一期) NTD300 元。

Nếu chọn "Người thân/Bạn bè đến nhận tại quầy" hoặc "Người nhận thanh toán": Chỉ cần đóng phí xin Giấy báo nhập học (một khóa) là 300TWD.

※ 最晚於開課前兩個月完成申請。

Cần hoàn tất việc nộp đơn xin chậm nhất là hai tháng trước ngày khai giảng.

2. 本中心審核申請入學資料通過，將寄發繳費通知信給學生，確認收取到申請費及學費後，本中心始得核發入學許可證明書 (一期)。

Bước 2: Sau khi Trung tâm xét duyệt và thông qua hồ sơ xin nhập học, sẽ gửi email thông báo đóng học phí cho sinh viên. Sau khi xác nhận đã nhận được phí đăng ký và học phí, Trung tâm mới tiến hành cấp Giấy báo nhập học (một khóa).

3. 取得入學許可證明書（一期）後，學生將可逕行前往當地辦事處申請簽證。

Bước 3: Sau khi nhận được Giấy báo nhập học (một khóa), sinh viên có thể trực tiếp đến cơ quan đại diện ngoại giao tại địa phương để nộp hồ sơ xin visa.

4. 取得簽證後請盡速與本中心聯繫。請您加入本中心 LINE 官方帳號，並主動發送一則訊息，以利後續報到流程之進行。

Bước 4: Sau khi nhận được visa, vui lòng liên hệ ngay với Trung tâm. Vui lòng thêm tài khoản LINE chính thức của Trung tâm và chủ động gửi một tin nhắn để tạo điều kiện thuận lợi cho các quy trình báo danh tiếp theo.

5. 取得簽證及機票後請完成填寫報到表單。

Bước 5: Sau khi nhận được visa và vé máy bay, vui lòng điền đầy đủ biểu mẫu báo danh.

6. 於開課當日報到，並攜帶護照、入學許可證及符合規定的健檢報告。

Bước 6: Đến báo danh vào ngày khai giảng, mang theo Hộ chiếu, Giấy báo nhập học và Giấy khám sức khỏe theo quy định.

- 上午班學員請於 8:30-8:50 至本中心辦公室報到。

Học viên lớp buổi sáng vui lòng đến văn phòng Trung tâm báo danh từ **8:30 - 8:50**.

- 下午班學員請於 13:00-13:20 至本中心辦公室報到。

Học viên lớp buổi chiều vui lòng đến văn phòng Trung tâm báo danh từ **13:00 - 13:20**.

※本中心保有以上規範調整之權利，各項公告及政策將以教育部及學校規定進行滾動式調整。

Nhà trường bảo lưu quyền điều chỉnh các quy định trên, các thông báo và chính sách sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Nhà trường.

(二) 匯款帳號 (需自行負擔匯率與銀行手續費)

Thông tin tài khoản chuyển khoản (Học viên tự chịu phí chênh lệch tỷ giá và phí giao dịch ngân hàng)

臺灣銀行板新分行 (004)

Ngân hàng Đài Loan- chi nhánh Banxin (004)

銀行地址：新北市板橋區文化路一段 268 號

Địa chỉ: Số 268, Đoạn 1, Đường Wenhua, Quận Banqiao, Thành phố Tân Bắc

銀行電話：(02) 2254-0560

Điện thoại: (02) 2254-0560

戶名：致理學校財團法人致理科技大學

Tên chủ tài khoản (tiếng Hoa): 致理學校財團法人致理科技大學

帳戶：243004126192

Số tài khoản: 243004126192

SWIFT CODE : BKTWTWTP243

Beneficiary Bank: BANK OF TAIWAN,

Beneficiary: CHIHLEE UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

Beneficiary A/C: 243004126192

Bank Branch: BANSIN BRANCH

Address: No. 313, Sec. 1, Wenhua Rd., Banqiao Dist., New Taipei City 220305, Taiwan (R.O.C.)

(三) 教育部健康檢查要求 Yêu cầu kiểm tra sức khỏe của Bộ Giáo dục

依據教育部公告，為確保全體師生的健康與校園安全，持「研習中文停留簽證」來台研習華語之學生，須配合辦理健康檢查。請務必詳閱並遵守以下健檢規定：

Theo thông báo của Bộ Giáo dục, để đảm bảo sức khỏe và an toàn học đường cho toàn thể giảng viên và sinh viên, các sinh viên đến Đài Loan học tiếng Hoa theo "Visa lưu trú học tiếng Hoa" phải hợp tác tiến hành kiểm tra sức khỏe. Vui lòng đọc kỹ và tuân thủ các quy định khám sức khỏe sau đây.

健康檢查必要項目：

Các hạng mục khám sức khỏe bắt buộc:

1. 麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢驗報告或預防接種證明：

Báo cáo xét nghiệm dương tính với kháng thể Sởi và Rubella hoặc giấy chứng nhận tiêm chủng vắc-xin

- 學生必須提供麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢驗報告(檢驗報告日期5年內有效)或有效的疫苗接種證明。

Sinh viên phải cung cấp báo cáo xét nghiệm dương tính với kháng thể Sởi và Rubella (ngày xét nghiệm trên báo cáo có hiệu lực trong vòng 5 năm) hoặc giấy chứng nhận tiêm chủng vắc-xin còn hiệu lực.

- 該報告或證明必須翻譯成中文或英文。翻譯後，該文件需經駐外辦事處正式官方驗證，並在入學報到時帶到學校備查。

Báo cáo hoặc giấy chứng nhận này phải được dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Sau khi dịch, tài liệu này cần được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài và mang đến trường để lưu trữ đối chiếu khi báo danh nhập học.

2. 胸部 X 光肺結核檢查報告：

Báo cáo chụp X-quang phổi kiểm tra bệnh lao

- 學生在來台前3個月內在母國接受胸部 X 光肺結核檢查之報告。

Báo cáo chụp X-quang phổi kiểm tra bệnh lao được thực hiện tại nước sở tại trong vòng 3 tháng trước khi sinh viên đến Đài Loan.

- 該報告或證明必須翻譯成中文或英文。翻譯後，該文件需經駐外辦事處正式官方驗證，並在入學報到時帶到學校備查。

Báo cáo hoặc giấy chứng nhận này phải được dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Sau khi dịch, tài liệu này cần được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài và mang đến trường để lưu trữ đối chiếu khi báo danh nhập học.

請同學於入學當日，攜帶上述兩份報告至本中心辦公室辦理留底備查。若開學當日未能及時提供，須於抵達台灣後 14 日內完成檢驗並補交證明。逾期未提供者，將視同違反教育部法規，本中心依規定得取消其入學資格且不予退費。請同學務必配合遵守，以免影響在台之學習計畫。

Đề nghị sinh viên mang theo hai bản báo cáo nêu trên đến văn phòng Trung tâm vào ngày nhập học để lưu hồ sơ đối chiếu. Trường hợp không kịp cung cấp vào ngày khai giảng, sinh viên phải hoàn thành việc xét nghiệm và nộp bổ sung giấy chứng nhận trong vòng 14 ngày kể từ khi đến Đài Loan. Những người chậm nộp sẽ bị coi là vi phạm quy định của Bộ Giáo dục, Trung tâm có quyền hủy bỏ tư cách nhập học theo quy định và không hoàn trả học phí. Đề nghị sinh viên nghiêm túc tuân thủ để tránh ảnh hưởng đến kế hoạch học tập tại Đài Loan.

六、獎學金申請 Xin cấp học bổng

若有申請獎學金的需求，請照此流程完成申請：

Nếu có nhu cầu xin cấp học bổng, vui lòng hoàn tất thủ tục nộp đơn theo quy trình sau:

1. 請先在本中心網站申請入學許可證。

Trước tiên, vui lòng xin Giấy báo nhập học trên trang web của Trung tâm.

2. 請 Email 至 mlc@gm.chihlee.edu.tw，告知需要申請「教育部華語文獎學金」或「外交部臺灣獎學金」，並於信中請留下護照全名及護照號碼。

Vui lòng gửi email đến mlc@gm.chihlee.edu.tw, thông báo về việc cần xin "**Học bổng tiếng Hoa của Bộ Giáo dục**" hoặc "**Học bổng Đài Loan của Bộ Ngoại giao**", đồng thời ghi rõ họ tên đầy đủ và số hộ chiếu trong email.

	教育部華語文獎學金 Học bổng tiếng Hoa của Bộ Giáo dục	外交部臺灣獎學金 Học bổng Đài Loan của Bộ Ngoại giao
獎助項目 Mức học bổng	每月獎學金新臺幣二萬八千元。 Nhận học bổng 28.000 TWD/tháng.	每月領取獎學金新臺幣二萬八千元 Nhận học bổng 28.000 TWD/tháng.
獎助期限 Thời hạn học bổng	共分成暑期班(2個月)、三個月、六個月、九個月或一年期。除暑期班外，原則上受獎期間為當年9月1日起至次年8月31日止。 Chia thành khóa mùa hè (2 tháng), 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng hoặc 1 năm. Ngoại trừ khóa mùa hè, về nguyên tắc thời gian nhận học bổng là từ ngày 1/9 năm hiện tại đến ngày 31/8 năm sau.	
申請資格 Điều kiện nộp đơn	1. 年滿十八歲，具高級中等學校以上畢業學歷，學業成績優良，品行端正。Đủ 18 tuổi, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, thành tích học tập xuất sắc, đạo đức tốt. 2. 下列人士不得提出申請： Những đối tượng sau không được nộp đơn: (1) 具有中華民國國籍或僑生身份。Có quốc tịch Đài Loan hoặc thân phận Hoa kiều. (2) 曾在臺修讀學位課程，或正在臺註冊入學研習華語文者。Đã từng học chương trình cấp bằng tại Đài Loan, hoặc đang đăng ký nhập học tiếng Hoa tại Đài Loan. (3) 我國各大學校院依據與外國學校簽訂學術合作協議所招收之交換學生。Là sinh viên trao đổi do các trường đại học/học viện thu nhận theo thỏa thuận hợp tác học thuật với các trường nước ngoài. (4) 曾受領本獎學金、臺灣獎學金或教育部華語文獎學金者。Đã từng nhận học bổng này, Học bổng Đài Loan hoặc Học bổng tiếng Hoa của Bộ Giáo dục. (5) 同時受領我政府機關(構)或學校所設置之獎補助金者。Đang đồng thời nhận học bổng/trợ cấp do cơ quan chính phủ hoặc trường học thành lập.	1. 具高級中等以上學校畢業學歷，學業成績優良，品行端正之外國籍人士。Là người nước ngoài, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, thành tích học tập giỏi, đạo đức tốt. 2. 未具我國國籍。Không có quốc tịch Đài Loan. 3. 未具我國僑生身分。Không có thân phận Hoa kiều. 4. 未曾在臺就讀擬申請之同等級學位課程。Chưa từng học chương trình cấp bằng cùng cấp độ dự định xin tại Đài Loan. 5. 受獎期間非為我國各大學校院依據與外國學校簽訂學術合作協議所招收之交換學生。Trong thời gian nhận học bổng, không phải là sinh viên trao đổi do các trường đại học/học viện Đài Loan thu nhận theo thỏa thuận hợp tác học thuật. 6. 未曾被我國政府機關或相關機構註銷獎學金資格。Chưa từng bị cơ quan chính phủ Đài Loan hoặc các tổ chức liên quan tước tư cách nhận học bổng.
申請日期 Thời gian nộp hồ sơ	每年2月1日至3月31日之間(以教育部公告時間為主)。 Từ ngày 1/2 đến ngày 31/3 hằng năm (Căn cứ theo thời gian thông báo của Bộ Giáo dục).	每年2月1日至3月31日之間(以教育部公告時間為主)。 Từ ngày 1/2 đến ngày 31/3 hằng năm (Căn cứ theo thời gian thông báo của Bộ Giáo dục).

3. 學校將寄發「課程申請核可須知」，收到後使得開始申請獎學金。

Nhà trường sẽ gửi "Hướng dẫn phê duyệt đăng ký khóa học", sau khi nhận được thông báo này, sinh viên có thể bắt đầu nộp hồ sơ xin học bổng.



致理科技大學華語文中心 Trung tâm Hoa ngữ - Đại học Khoa học Kỹ thuật Chihlee

◆電話/Điện thoại: : (+886) 2-2257-6167 #1129

◆地址：新北市板橋區文化路一段 313 號 和平樓 D15

Địa chỉ: Số 313, Đoạn 1, Đường Wenhua, Quận Banqiao, Thành phố Tân Bắc

◆E-mail : mlc@gm.chihlee.edu.tw

◆網站/Website: : <https://clc.chihlee.edu.tw/app/index.php>

◆Facebook：致理科技大學華語文中心

Trung tâm Hoa ngữ Đại học Khoa học Kỹ thuật Chihlee (Chihlee University of Technology Chinese Language Center)

<https://www.facebook.com/profile.php?id=61591362580013>